

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)

Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 01/TTr-HDC ngày 13/01/2020 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 293/TTr-SNV ngày 07/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa đã được Đại hội khóa III, nhiệm kỳ 2019 - 2024 Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa nhất trí thông qua ngày 19/12/2019, gồm có 08 Chương và 26 Điều (đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 11/03/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Điều lệ Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (VX);
- Chánh, PCVP UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, VX (Năm).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Hiệp
Nguyễn Hòa Hiệp

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/DIOXIN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 12/02/2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I
TÊN GỌI - MỤC ĐÍCH - TÔN CHỈ**

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa.
2. Tên giao dịch quốc tế: BienHoa Association for Victims of Agent Orange/Dioxin.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VAVA.
4. Biểu tượng Hội: Được sử dụng theo biểu tượng của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam Biểu tượng hình tròn, ở giữa có 03 hình bán thân màu cam trên nền vàng nhạt, dưới có chữ VAVA màu xanh, bao quanh có dòng chữ màu đen: “Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam” và hình bông lúa màu xanh, đã được đăng ký bản quyền.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội có tính chất đặc thù thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao; là Hội của những nạn nhân chất độc da cam và các tổ chức, cá nhân tự nguyện hoạt động đóng góp công sức, trí tuệ, tiền, vật chất để giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, khắc phục hậu quả chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.
2. Hội được thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, giáo dục động viên và tạo mọi điều kiện giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam và gia đình họ vượt khó vươn lên hòa nhập cộng đồng xã hội, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
3. Nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên của Hội là vận động mọi nguồn lực của xã hội, của các tổ chức, cá nhân nhà hảo tâm trong thành phố và trong tỉnh để chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân; đấu tranh đòi công lý cho nạn nhân chất độc da cam Việt Nam.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại số 69, Cách mạng tháng tám, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nằm trong trụ sở Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Biên Hòa).

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động, ngày vì nạn nhân

1. Hội hoạt động trong phạm vi thành phố Biên Hòa về lĩnh vực xã hội nhân đạo đối với nạn nhân chất độc da cam/dioxin.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh Đồng Nai, quản lý nhà nước về lĩnh vực, phạm vi hoạt động của UBND thành phố Biên Hòa và sự hướng dẫn, kiểm tra của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh Đồng Nai và các ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Ngày 10/8 hàng năm là ngày “Vì nạn nhân chất độc da cam Việt Nam”.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, đoàn kết, tương trợ và hợp tác.
3. Vì mục đích xã hội, nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận.
4. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội đã được phê duyệt.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho nạn nhân chất độc da cam Biên Hòa trong các mối quan hệ với các tổ chức cá nhân trong thành phố, trong đấu tranh buộc Mỹ phải chịu trách nhiệm tham gia khắc phục hậu quả chất độc hóa học do họ gây ra ở Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân chất độc da cam/dioxin phù hợp với pháp luật Việt Nam và Quốc tế.
4. Tham gia các chương trình dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám sát xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội, chủ động tham mưu, kiến nghị với cơ quan Đảng, nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật. Được tổ chức đào tạo bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Được thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở đóng góp tự nguyện của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để chăm lo đời sống nạn nhân.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức hoạt động theo Điều lệ Hội đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết, động viên nạn nhân chất độc da cam khắc phục khó khăn, phát huy khả năng tham gia các hoạt động xã hội, hòa nhập cộng đồng và chấp hành pháp luật của Nhà nước. Vận động các tầng lớp Nhân dân trong xã hội phát huy truyền thống “Thương người như thể thương thân” của dân tộc, đùm bọc, thương yêu, giúp đỡ các nạn nhân về tinh thần, vật chất nhằm vượt qua đau đớn về thể xác và tinh thần, giảm bớt khó khăn trong cuộc sống, khuyến khích nạn nhân chiến thắng bệnh tật, nuôi dưỡng tinh thần lạc quan để tiếp tục lao động cống hiến cho xã hội. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội theo quy định của pháp luật; xây dựng ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

3. Phổ biến bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ Hội, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia kiến nghị với Nhà nước ban hành, bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách, liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân chất độc da cam theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức các hoạt động và vận động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố trợ giúp về vật chất và tinh thần để tạo điều kiện cho nạn nhân chất độc da cam cải thiện đời sống, hòa nhập với cộng đồng góp phần đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí, tài sản của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cơ quan có thẩm quyền giao.

Chương III HỘI VIÊN CỦA HỘI

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xã hội nhân đạo, có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức của Việt Nam không có điều kiện hoặc không có tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, có công đóng góp cho Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được công nhận là hội viên danh dự.

3. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam bị tổn thương bởi chất độc da cam/dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam và các công dân Việt Nam tự nguyện tham gia hoạt động Hội;

b) Hội viên tổ chức: Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở các xã, phường trực thuộc thành phố được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện xin là hội viên thì được xem xét, kết nạp là hội viên tổ chức của Hội.

Điều 9. Quyền của Hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia sinh hoạt tại các tổ chức của Hội để xây dựng và thông qua phương hướng, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội, được đề xuất, góp ý kiến và đề nghị Hội kiến nghị với các cơ quan về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra của Hội.
5. Được Hội giúp đỡ tạo điều kiện trong hoạt động và bảo vệ quyền lợi chính đáng của Hội viên.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ Hội viên Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục làm hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội và các nghị quyết khác của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục thẩm quyền kết nạp Hội viên; thủ tục ra Hội

1. Đối với Hội viên cá nhân: việc kết nạp và cho ra khỏi Hội đối với Hội viên cá nhân do Ban Thường vụ Thành Hội xem xét quyết định.
2. Ban Thường vụ Thành Hội hướng dẫn thủ tục kết nạp và cho ra khỏi Hội đối với Hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.

5. Các Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin ở xã, phường trực thuộc Thành Hội được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận làm hội viên tổ chức của Hội.

6. Hội viên tổ chức chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của Ban Chấp hành Hội về việc thực hiện Điều lệ Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 (năm) một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội Đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Hội;

c) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung);

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua nghị quyết của Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các đại biểu chính thức dự Đại hội.

Danh sách và số lượng ủy viên Ban Chấp hành Hội do Ban Chấp hành Hội nhiệm kỳ trước giới thiệu được Đại hội thông qua. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội cùng với nhiệm kỳ của Đại hội. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu Ban

Chấp hành Hội do Đại hội quyết định, gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Chủ tịch các hội viên tổ chức và mời đại diện một số cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội có liên quan theo quy định của pháp luật. Khi Ủy viên Ban Chấp hành nghỉ công tác Hội thì đương nhiên thôi tham gia Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội, Ban Kiểm tra Hội; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế thi đua khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Hội, ủy viên Ban Thường vụ Hội, Trưởng ban Kiểm tra Hội; bầu bổ sung, miễn nhiệm ủy viên Ban Chấp hành Hội, ủy viên Ban Thường vụ Hội và ủy viên Ban Kiểm tra Hội. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Hội, ủy viên Ban Thường vụ Hội, ủy viên Ban Kiểm tra Hội bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ và ủy viên Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành Hội:

a) Ban Chấp hành Hội hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành Hội, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành Hội mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành Hội hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành Hội tham dự họp. Ban Chấp hành Hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành Hội quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ Hội cùng với nhiệm kỳ Ban Chấp hành Hội. Ban Thường vụ Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số ủy viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Ban Thường vụ có nhiệm vụ:

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Hội, chương trình công tác của Hội.

2. Quản lý tài sản, tài chính của Hội.

3. Quyết định các vấn đề về tổ chức và Hội viên của Hội và hướng dẫn hoạt động của các tổ chức trực thuộc Hội.

4. Chuẩn bị nội dung, triệu tập các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội, báo cáo công việc làm trước hội nghị Ban Chấp hành Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên. Số lượng cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban kiểm tra Hội do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra Hội cùng nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra Hội:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên tổ chức, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên, hội viên tổ chức và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra Hội:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế của Ban Kiểm tra, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch Hội và Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội;

c) Chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp

hành Hội, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Phó Chủ tịch kiêm Chánh Văn phòng

1. Phó Chủ tịch kiêm Chánh Văn phòng do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, theo sự giới thiệu của Chủ tịch Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội;

b) Tổ chức, soạn thảo kế hoạch và đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Ban Chấp hành Hội và chương trình công tác của Ban Thường vụ Hội;

c) Tổ chức, điều hành hoạt động hàng ngày của cơ quan Hội;

d) Xây dựng các quy chế hoạt động của cơ quan Hội trình Ban Chấp hành Hội thông qua;

đ) Tổ chức soạn thảo báo cáo quý, 6 tháng, hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội và các báo cáo định kỳ cho các cơ quan Đảng, UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND thành phố Biên Hòa theo quy định;

e) Tổ chức thông tin kịp thời, ba tháng một lần, thông báo kết quả hoạt động của Hội cho Ban Chấp hành Hội, các hội viên tổ chức và các đơn vị trực thuộc Hội biết;

f) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ban Chấp hành Hội về hoạt động của cơ quan Hội;

g) Đại diện cơ quan Hội trong quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố Biên Hòa.

Điều 19. Các đơn vị trực thuộc Hội

Hội có thể thành lập một số đơn vị trực thuộc, hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Hội. Việc thành lập các đơn vị này phải tuân thủ quy định của pháp luật do Chủ tịch Hội ra quyết định theo nghị quyết của Ban Chấp hành Hội.

Chương V CHIA, TÁCH; SÁT NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sát nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sát nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Nguồn thu tài chính của Hội:

a) Đóng góp tự nguyện của hội viên;

b) Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
c) Tiền tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố Biên Hòa;

d) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi tài chính của Hội

a) Chi cho các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Hội;
b) Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
c) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành phù hợp với quy định của pháp luật;
d) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

3. Tài sản của Hội gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản Hội

1. Mọi tài sản, mọi khoản thu chi tài chính của Hội đều phải được thể hiện đầy đủ, chính xác trên sổ sách kế toán của Hội.

2. Tài chính, tài sản của hội chỉ được sử dụng cho chi hoạt động của Hội khi chia, tách; sát nhập; hợp nhất và giải thể Hội theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội trên cơ sở quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức hội thành viên, hội viên của Hội có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội xét khen thưởng hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng, hướng dẫn của cơ quan Nhà nước và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, hội viên tổ chức, hội viên của Hội vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật:

a) Với tập thể: Khiển trách, cảnh cáo;

b) Với cá nhân: khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ; xóa tên khỏi danh sách hội viên; buộc bồi thường thiệt hại. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều tra và xử lý theo pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét, kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại Hội biểu quyết tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành của Điều lệ Hội

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa gồm 8 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội Đại biểu Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại thành phố Biên Hòa và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ của Hội, Ban Chấp hành Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin thành phố Biên Hòa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp